TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 50/2024/HS-ST
Ngày 29 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Văn Hùng;**

Bà Đặng Thị Thu Hương.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Văn Minh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà*: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 49/2024/QĐXXST-HS ngày 7 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

* Họ và tên: Trần Duy H, sinh năm 1971; nơi thường trú: thôn Hồng L, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Duy V (đã chết); con bà Trần Thị C (đã chết); gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ sáu; vợ: Đỗ Thị S, sinh năm 1967; có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1996; Tiền sự: Không

- Tiền án: Ngày 21/6/2022, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự, chưa được xoá án tích.

- Bị cáo đang được bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/5/2024 đến ngày 23/7/2024.

* Bị hại: Bà Triệu Thị H, sinh năm 1969; trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 22/4/2024, bị cáo Trần Duy H là người đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xoá án tích, đi bộ từ nhà đến nhà bà Triệu Thị H ở

thôn Đ, xã N, huyện N với mục đích để xem bói. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, H tới nhà bà H trong nhà chỉ có con trai bà H là anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1990 đang ngồi trong nhà xem điện thoại. H tự ý đi lên tầng hai vì H biết tầng hai là khu vực bà H đặt ban thờ để xem bói. Khi lên tầng hai không thấy bà H ở đó, bị cáo quan sát thấy trên ban thờ có đặt số tiền 200.000 đồng gồm 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, H nảy sinh ý định lấy trộm số tiền trên ban thờ. H đến ban thờ rồi dùng tay lấy 03 tờ tiền cất giấu vào túi quần bên pH đang mặc, sau đó đi xuống tầng 1. Khi xuống sân thấy bà H đang phơi quần áo, H hỏi bà H có xem bói không thì bà H nói không xem nên H đi về. Lúc này anh T nói với bà H kiểm tra trên tầng hai có mất tài sản gì không, bà H kiểm tra thì thấy đã bị mất 200.000 đồng. Bà H đạp xe đuổi theo khoảng 300 mét thì gặp H và hỏi có lấy 200.000 đồng để trên ban thờ không. H thừa nhận đã lấy số tiền 200.000 đồng, bà H yêu cầu H quay lại nhà bà để làm việc, sau đó bà H đã trình báo vụ việc đến Công an xã N giải quyết. Vật chứng thu giữ: Số tiền 200.000 đồng trong túi quần bên pH của Trần Duy H.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trần Duy H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Quá trình giải quyết vụ việc, Công an xã N đã trả lại cho bà Triệu Thị H số tiền 200.000 đồng, bà H nhận lại số tiền trên và không yêu cầu bồi thường dân sự.

Cáo trạng số: 46/CT-VKS ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Trần Duy H về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Trần Duy H từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Về trách nhiệm dân sự: Bà Triệu Thị H đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bị cáo pH bồi thường thêm khoản tiền nào khác, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 năm 2016 của UBTV Quốc Hội, buộc bị cáo pH nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo không có tranh luận gì với quan điểm luận tôi của đại diện Viện kiểm sát và nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, vi phạm pháp

luật bị cáo rất ân hận đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của bị cáo thấy rằng: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 22/4/2024, tại nhà của gia đình bà Triệu Thị H ở thôn Đô Đò, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 200.000 đồng của bà H bị phát hiện bắt giữ. Năm 2022 bị cáo đã bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, nhận thức rõ hành vi bị cáo thực hiện là sai trái, hơn nữa bị cáo đã bị đưa ra xét xử về tội "Trộm cắp tài sản", nhưng không lấy đó làm bài học để khắc phục, sửa chữa trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội mà vẫn tiếp tục phạm tội là thể hiện ý thức coi thường pháp luật, nên bị cáo pH chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có hoàn cảnh khó khăn đơn có xác nhận của chính quyền địa phương nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào hành vi phạm tội, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, các tình tiết tăng năng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo riêng và răn đe phòng ngừa chung, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định nên không cần thiết pH áp dụng phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bị cáo pH bồi thường thêm khoản tiền nào khác, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Duy H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Duy H 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, buộc bị cáo pH nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân huyện N;
- Công an huyện N;
- Nhà tạm giữ Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ + VP.